

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83 /BC-NSVP

Phúc Yên, ngày 05 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC
Năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH VĨNH PHÚC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500144719, do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/09/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28/04/2022.
- Vốn điều lệ: 109.630.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 130.929.177.874 đồng (căn cứ theo khoản mục vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán).
- Địa chỉ: Số nhà 220, Đường Trần Phú, Phường Phúc Thắng, TP Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
- Số điện thoại: 02113.869.364
- Số fax: 02113.868.663
- Website: <http://nuocsachvinhphuc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NVP

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc tiền thân là Xí nghiệp cấp nước Mê Linh thuộc Công ty cấp nước Vĩnh Phúc. Xí nghiệp cấp nước Mê Linh đổi thành Công ty cấp nước Mê Linh theo Quyết định số 2388/QĐ-UB ngày 15/11/1996 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.
- Ngày 07/09/1999, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 2163/QĐ-UB về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty cấp nước Mê Linh và đổi tên Công ty cấp nước Mê Linh thành Công ty cấp thoát nước và Môi trường số 2 Vĩnh Phúc.

- Ngày 24/03/2010, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 746/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Cấp thoát nước và Môi trường số II Vĩnh Phúc.
- Ngày 10/03/2011, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định số 631/QĐ-UB ngày 10/03/2011 về việc chuyển đổi Công ty cấp thoát nước và Môi trường số 2 Vĩnh Phúc thành Công ty cổ phần Nước sạch Vĩnh Phúc.
- Từ ngày 24/03/2011, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500144719 ngày 24/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp thay đổi lần thứ 2, với số vốn điều lệ là 85.000.000.000 đồng.
- Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500144719 thay đổi lần thứ 7 ngày 28/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc cấp.
- Kể từ khi hoạt động Xí nghiệp cấp nước Mê Linh hoạt động chủ yếu trên địa bàn thị xã Phúc Yên và một vài khu vực thuộc huyện Mê Linh như Thanh Lâm, Thanh Tước. Hiện nay, khi mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã mở rộng địa bàn sang khu vực Cầu Xây, huyện Sóc Sơn, Hà Nội và một vài khu vực lân cận như huyện Bình Xuyên bao gồm khu phố Kếu, khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Hương Canh, Đạo Đức.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
 - + Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
 - + Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Sản xuất kinh doanh nước sạch và nước tinh khiết);
 - + Quản lý, xử lý nước thải đô thị;
 - + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình dân dụng giao thông thủy lợi; Thi công xây dựng công trình điện đến 35KV);
 - + Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước;
 - + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn);
 - + Lập tổng dự toán và dự toán công trình xây dựng, hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước;
 - + Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thẩm tra dự toán công trình cấp thoát nước;

+ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (- Giám sát thi công các công trình cấp thoát nước; - Tư vấn, giám sát công trình giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp);

+ Tư vấn kiểm định đồng hồ đo nước lạnh (- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có điều kiện theo quy định của pháp luật)

+ Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Tư vấn thiết kế công trình cấp thoát nước);

+ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Cho thuê máy móc, thiết bị).

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và lắp đặt đường ống cấp nước sinh hoạt.

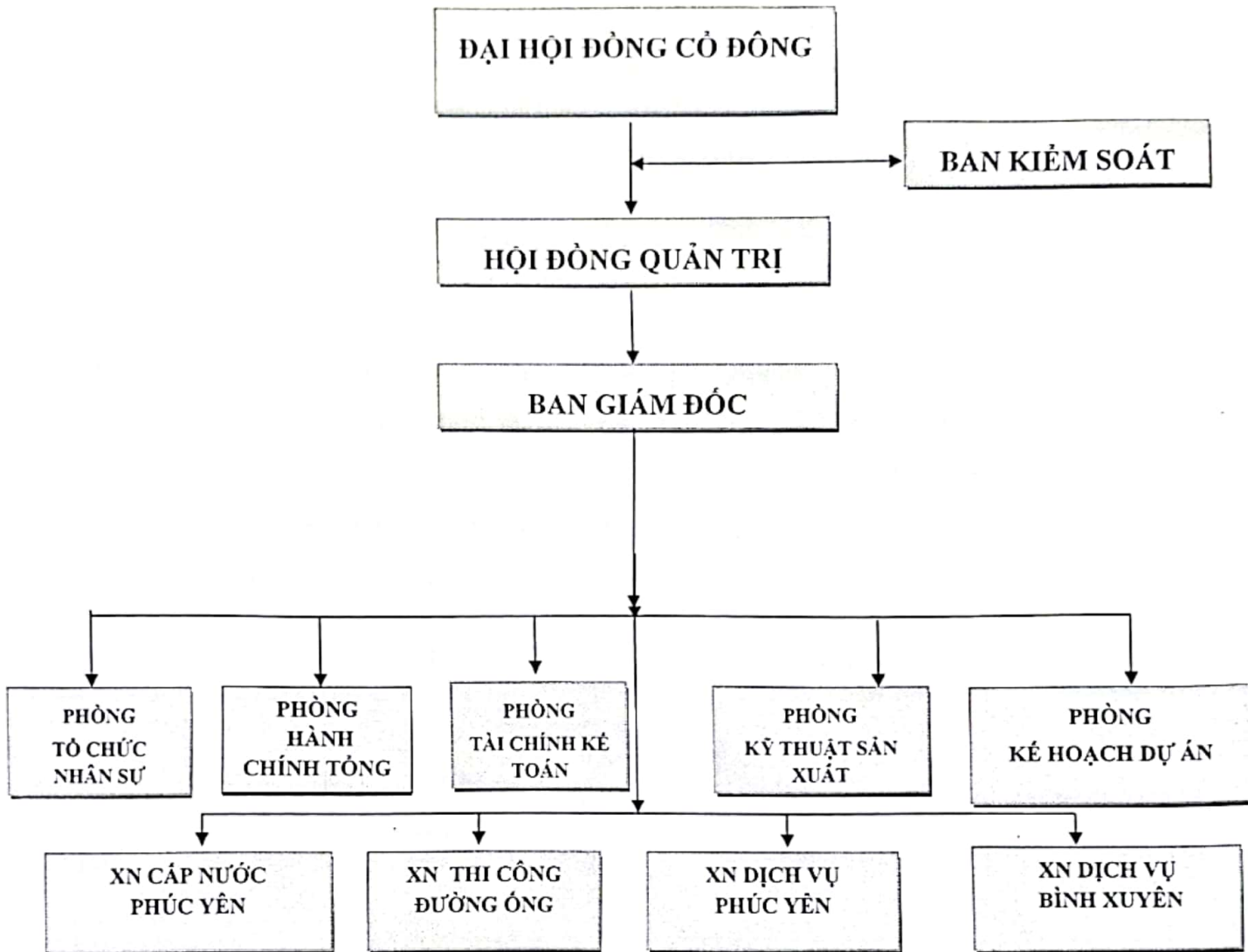
3.2. Địa bàn kinh doanh

Thành phố Phúc Yên; huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc và các vùng lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị.

Công ty có mô hình tổ chức quản lý theo điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.



4.2. Cơ cấu, thành phần và hoạt động

4.2.1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty, thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; báo cáo của Ban Kiểm soát; báo cáo của Hội đồng quản trị; kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; mức cổ tức thanh toán hàng năm; bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty...

4.2.2. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các

quyền nhiệm vụ sau đây: Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc; quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty...

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Ngô Trường Giang	Chủ tịch HĐQT	25/04/2022	
2	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	25/04/2022	
3	Ông Nguyễn Tiến Sơn	Thành viên HĐQT	25/04/2022	
4	Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	19/01/2011	
5	Ông Vũ Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	25/04/2022	
6	Ông Nguyễn Hồng Phú	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	10/01/2014	25/04/2022
7	Ông Đinh Thế Kỳ	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	29/01/2013	25/04/2022
8	Bà Ngô Thị Vinh	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	29/01/2013	25/04/2022

4.2.3. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên có quyền đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý; và các quyền khác theo luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Dương Cảnh Hưng	Trưởng BKS	25/04/2022		Cử nhân KT
2	Đỗ Đức Thịnh	Thành viên BKS	19/01/2011		Cử nhân KT
3	Đào Thị Hương	Thành viên BKS	25/04/2022		Cử nhân KT
4	Phạm Văn Tiến	Trưởng BKS (Đã miễn nhiệm)	19/01/2011	25/04/2022	Trung cấp máy xây dựng
5	Đặng Thị Hương	Thành viên	19/01/2011	25/04/2022	Cử nhân KT

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Trình độ chuyên môn
		BKS (Đã miễn nhiệm)			

4.2.4. Ban Giám đốc:

Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng quản trị thông qua; thay mặt công ty ký kết hợp đồng kinh tế, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo thông lệ quản lý tốt nhất; thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định tại điều lệ công ty.

Stt	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc	25/04/2022	Thạc sỹ QTKD
2	Bùi Tiến Dũng	Phó Giám đốc	25/04/2022	Kỹ sư CTN
3	Nguyễn Tiến Sơn	Phó Giám đốc	25/04/2022	Kỹ sư Công nghệ môi trường

4.3. Các công ty con, công ty liên kết, tham gia góp vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Setfil Vĩnh Phúc	Thôn Bá Hương, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	25.000	22%

5. Định hướng phát triển:

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm nước sạch và các dịch vụ liên quan, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra;

Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hiện có, đầu tư và nâng cấp trang thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh trong cơ chế thị trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Chiến lược phát triển chung và dài hạn

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp với các nhà đầu tư, nhân dân, chính quyền địa phương huy động nguồn vốn mở rộng mạng lưới cấp nước;

Tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng nước máy cung cấp ra mạng, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch, từ đó tạo dựng uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường...

Tiếp tục thực hiện quản lý tốt mạng lưới cấp nước, từng bước đầu tư cải tạo các tuyến ống cấp nước, làm tốt công tác chống thất thoát, từ đó tìm biện pháp giảm tỷ lệ thất thu, thất thoát nước sạch xuống mức bình quân dưới 13% trong năm 2022 và phấn đấu đến đạt mục tiêu chống thất thu, thất thoát nước sạch xuống mức dưới 12% vào năm 2025.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty Đầu tư nâng cấp đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm điện năng, nguyên vật liệu và giảm tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

6. Các rủi ro:

a. Rủi ro về chính sách

Các chính sách pháp luật chi phối trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Nếu không nắm rõ các quy định pháp luật dẫn đến việc vi phạm pháp luật, các doanh nghiệp có thể phải chịu thiệt hại về mặt tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cũng có thể bị ảnh hưởng. Bên cạnh việc tuân thủ các văn bản Luật và dưới Luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, ... Công ty còn chịu sự kiểm soát chặt chẽ bởi Luật Tài nguyên nước, quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra, và Luật Bảo vệ môi trường quy định về hoạt động bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, các chính sách pháp luật của nước ta, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế được dự báo sẽ có sự thay đổi trong thời gian tới do Chính phủ đang nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam, thu hút nguồn vốn nước ngoài. Vì vậy, Công ty liên tục cập nhật những thông tin mới để tránh gây ra những tổn thất không đáng có cho doanh nghiệp.

b. Rủi ro Giá bán nước sạch

Nước sạch sinh hoạt là một tài nguyên quan trọng, do Nhà nước định khung giá và mức giá cụ thể (ở đây chính là do ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt mức giá nước mà doanh nghiệp xây dựng phương án giá dựa theo các quy định về tính giá). Cơ quan có thẩm quyền quyết định giá nước có thể xem xét điều chỉnh giá khi có biến động như thay đổi công

nghệ xử lý nước, quy chuẩn về chất lượng dịch vụ, các thay đổi về cơ chế chính sách có liên quan. Tuy nhiên hiện nay các chi phí đầu vào có xu hướng tăng nhưng đơn giá không được điều chỉnh kịp thời. Điều này gây ra cho các doanh nghiệp cùng ngành nói chung và Công ty nói riêng những khó khăn nhất định về mặt tài chính, đòi hỏi doanh nghiệp cần có chiến lược kinh doanh phù hợp để giảm thiểu chi phí, đạt được lợi nhuận mục tiêu. Địa bàn các khu dân cư của tỉnh Vĩnh Phúc nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung, do đó nhu cầu vốn đầu tư lớn, do vậy để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của dân cư cần có nguồn vốn lớn để phát triển hệ thống cấp nước và xử lý rác thải.

c. Rủi ro đặc thù:

Hoạt động cung cấp nước sạch thông qua hệ thống mạng lưới ống cấp nước ngầm dưới đất của Công ty tiềm ẩn rủi ro lớn là thất thoát nước. Nguyên nhân của tình trạng này do đường ống lâu năm bị mòn, vỡ, chùng loại ống, vi phạm sử dụng nước hoặc do các công trình khác vô tình tác động đến hệ thống đường ống. Thất thoát nước thường khó phát hiện, công tác sửa chữa cũng thường khó khăn và tốn kém do hệ thống nước ngầm này nằm bên dưới các công trình dân cư, công trình công cộng, từ đó gây tổn thất tài chính cho Công ty

Rủi ro thất thoát nước có thể xảy ra do hệ thống đường ống gặp trục trặc hoặc do các tổ chức, cá nhân thi công công trình làm vỡ đường ống cấp nước. Nguy cơ này làm cho việc cung cấp nước sạch không được liên tục, lưu lượng, áp lực và chất lượng nước không được đảm bảo.

d. Rủi ro môi trường:

Chất lượng của nguồn nước là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình xử lý nước để tạo ra nước sạch. Nguồn nước của Công ty chủ yếu khai thác từ nguồn nước ngầm, Các rủi ro liên quan đến chất lượng nước nguồn cũng có thể xảy ra như quá trình công nghiệp hoá cũng như ảnh hưởng chất thải sinh hoạt do ý thức của người dân về môi trường chưa cao, tại một số khu vực công nghiệp phát triển nhanh nguồn nước ngầm cũng đã xuất hiện dấu hiệu ô nhiễm từ đó làm chi phí xử lý nước ngày càng tăng cao, ảnh hưởng đến giá thành sản xuất nước. Công ty cũng luôn ý thức đảm bảo các hoạt động của mình không gây ô nhiễm môi trường, tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp thoát nước. Ngoài ra, Công ty luôn đề cao tinh thần trách nhiệm đối với vấn đề phát triển bền vững, khai thác nguồn nước hợp lý để bảo vệ tài nguyên nước cho tương lai.

e. Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro có thể ảnh hưởng xuyên suốt đến quá trình hoạt động của Công ty, còn có một số rủi ro hiếm xảy ra nhưng có thể gây ra những thiệt hại lớn cho Công ty. Đó là những rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... Do đó, để đảm bảo an toàn cho người lao động, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh liên tục và tránh các tổn thất không đáng có, doanh nghiệp luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng

cháy chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, thường xuyên kiểm tra các thiết bị, cập nhật thông tin thời tiết, xã hội,...

II. Tình hình hoạt động trong năm 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Thực hiện năm 2022</i>	<i>Kế hoạch năm 2022</i>	<i>So sánh TH/KH 2022 (%)</i>
1	Sản xuất nước máy				
	- Sản lượng nước sản xuất + mua	1.000m ³	9.943	9.287	107
	- Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m ³	8.639	8.172	106
	- Tỷ lệ thất thoát	%	12,78	12,01	
2	Tổng doanh thu	Tr. đồng	97.388	91.004	107
	- Doanh thu sản xuất nước	Tr. đồng	92.769	87.804	107
	- Doanh thu XD CB	Tr. đồng	2.618	3.200	82
	- Doanh thu HĐTC và khác	Tr. đồng	2.001		
3	Lợi nhuận	Tr. đồng	5.250	3.600	146
4	Trích nộp ngân sách	Tr. đồng	11.324	10.500	108
5	Quản lý khách hàng phát triển cấp nước				
	- Tổng số hộ đang thực hiện HĐ cấp nước	Hộ	30.653	30.791	99
	<i>Trong đó: Số hộ lắp mới</i>	Hộ	1.775	1.900	93
6	Tổng số lao động toàn Cty	Người	126	125	101
7	Bình quân thu nhập 1 tháng/người	1.000 đ	10.603	9.500	112

- Trong năm 2022, Công ty không có thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp. Sản lượng nước sản xuất tăng 7%, nước tiêu thụ tăng 6% do tỷ lệ thất thoát tăng với kế hoạch; Doanh thu tiêu thụ nước máy hoàn thành kế hoạch đặt ra, doanh nghiệp làm ăn có lãi do tiết kiệm được chi phí sản xuất, các chi tiêu thu nộp ngân sách, thu nhập của người lao động, số lượng đầu nối khách hàng đều tăng, quản lý vận hành an toàn hệ thống máy móc thiết bị, thực hiện quy trình cấp nước hợp lý, điều chỉnh áp lực cấp nước phù hợp từ đó đảm bảo cấp đủ nước ra

mạng, giảm tiêu hao điện năng trong sản xuất, giảm chi phí điện năng trong các giờ cao điểm.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách nhân sự Ban điều hành trong năm 2022:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần nắm giữ cá nhân (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc	Thạc sỹ QTKD	0	0%
2	Bùi Tiến Dũng	Phó Giám đốc	Kỹ sư CTN	9.300	0,085%
3	Nguyễn Tiến Sơn	Phó Giám đốc	Kỹ sư Công nghệ môi trường	2.800	0,025%
4	Ngô Thị Vinh	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế	3.800	0,035%

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành

Thông tin

a. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 02/09/1970
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Chức vụ công tác tại công ty: Thành viên HĐQT; Giám đốc
- + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không
- + Số cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cá nhân: Không
- + Đại diện sở hữu: 2.113.980 cổ phần nhà nước

b. Ông Bùi Tiến Dũng

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 28/04/1974
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Chức vụ công tác tại công ty: Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc công ty
- + Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP cấp nước Setfil VP
- + Số cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cá nhân: 9.300 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 0,085%
- + Đại diện sở hữu: 1.066.290 cổ phần nhà nước

c. Ông Nguyễn Tiến Sơn

+ Giới tính: Nam
+ Ngày tháng năm sinh: 18/08/1979
+ Quốc tịch: Việt Nam
+ Chức vụ công tác tại công ty: Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc công ty

+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP cấp nước Đình Chu
+ Số cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cá nhân: 2.800 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 0,026%
+ Đại diện sở hữu: 1.059.790 cổ phần nhà nước

d. Bà Ngô Thị Vinh

+ Giới tính: Nữ
+ Ngày tháng năm sinh: 11/03/1980
+ Quốc tịch: Việt Nam
+ Chức vụ công tác tại công ty: Kế toán trưởng; Người phụ trách QT công ty
+ Chức vụ công tác tại tổ chức khác: Không
+ Số cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu: 3.800 cổ phần, tỷ lệ sở hữu: 0,035%
+ Đại diện sở hữu: 1.059.790 cổ phần nhà nước

- Những thay đổi trong ban điều hành: Năm 2022, Công ty không có thay đổi trong ban điều hành

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

+ Tổng số lao động bình quân năm 2022: 126 người.

+ Thu nhập bình quân năm 2022 đạt: 10,6 triệu đồng/người/ tháng

+ Công ty thực hiện việc ký kết Hợp đồng lao động với người lao động, duy trì được việc làm và thu nhập của người lao động, bảo đảm các chế độ đối với người lao động như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hộ lao động, các quyền của người lao động tham gia các tổ chức đoàn thể, xã hội.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

- Di chuyển đường ống cấp nước dịch vụ phục vụ dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị các tuyến phố tại thành phố Phúc Yên;

- Tuyển ống cấp nước dọc đường tỉnh 310B (Đoạn từ quốc lộ 2A đến đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai)

- Đường ống cấp nước cho TDP Cửa Đồng giai đoạn 2 năm 2021;
- Tuyến ống cấp nước truyền dẫn DN225 từ đường 301 đến khu DL sinh thái Thanh Xuân;
- Lắp đặt tuyến ống cấp nước truyền dẫn, dịch vụ cho xóm Minh Tân, An Phú thôn Đức Cung;
- Lắp đặt tuyến ống cấp nước tạm D160 dọc đường tỉnh lộ 310B;
- Lắp đặt tuyến ống cấp nước cho xóm Phụng Hoàng - thôn Đức Cung;
- Lắp đặt tuyến ống cấp nước tạm HDPE D160 dọc ĐT310B đoạn từ km2+200 đến km4+00;
- Tuyến ống CN dịch vụ cho TDP Kiên Sơn - TT Đạo Đức;

3.2. Tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2022, Công ty thực hiện các Dự án sau:

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Dự kiến KLHT đến 31/12/2022		Kế hoạch 2023	
				Vốn doanh nghiệp	Nguồn vốn huy động khác	Vốn doanh nghiệp	Nguồn vốn huy động khác
1	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại - TT Đạo Đức	4,4 km	2.652	1.326		1.326	
2	Tuyến ống CN dịch vụ cho TDP Chùa, TDP Giữa và TDP Kếu - TT Đạo Đức	7,4 km	4.164	2.498		1.666	
3	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Giật và Thượng Đức - TT Đạo Đức năm 2022	4,1 km	2.153	1.507		646	
4	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Tây Trại, TDP Đông Đoài - TT Đạo Đức	6,3 km	3.251	1.626		1.626	
5	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Trong, TDP Trại Giữa và TDP Trại Ngoài - TT Đạo Đức	8,4 km	4.183	1.673		2.510	

6	Dự án cải tạo, mở rộng nhà điều hành sản xuất	20.000 m ³ /ngày y đêm	20.821	372	7.287
7	Cải tạo cụm xử lý nhà máy nước Phúc Yên		20.994	0	20.994

3.3. Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Cấp nước Setfil Vĩnh Phúc. Công ty đã đầu tư vào CTCP Cấp nước Setfil Vĩnh Phúc số tiền là 5.500.00.000 VND, tương đương 22% vốn điều lệ. Trong năm 2022, Công ty liên kết hoạt động sản xuất kinh doanh cung cấp nước sạch và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và có lãi lũy kế.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu (Triệu VND)	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	192.443	197.143	102,44%
2	Doanh thu thuần	87.739	95.389	108,71%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.781	6.685	176,80%
4	Lợi nhuận khác	(271)	(1.435)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	3.510	5.250	149,56%
6	Lợi nhuận sau thuế	2.743	4.247	154,83%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,186%	1,88%	158,5%

Nguồn: BCTC năm 2022 của CTCP Nước sạch Vĩnh phúc đã được kiểm toán

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
1	Khả năng thanh toán		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,72	1,64
-	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,15	1,24

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
2	Cơ cấu vốn		
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	32,89%	33,59%
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	49,01%	50,57%
3	Năng lực hoạt động		
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,38	2,39
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,23	0,24
4	Khả năng sinh lời		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,13%	4,45%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu BQ	1,06%	1,63%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	0,70%	1,09%
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	4,31%	7,01%

5. Cơ cấu cổ đông, cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu vốn Nhà nước tính đến thời điểm 31/12/2022:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần : 10.963.000 cổ phiếu
- Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 10.963.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phiếu

b) Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Theo loại hình sở hữu				
1	CĐ nhà nước	1	10.569.900	96,41%
2	CĐ là tổ chức	1	28.000	0,26%

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
3	CD là cá nhân	145	365.100	3,33%
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	CD lớn	1	10.569.900	96,41%
2	CD khác	146	393.100	3,59%
Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông trong nước	147	10.963.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	Tổng cộng	147	10.963.000	100%

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Công ty đang thực hiện giải trình, bổ sung hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài với Ủy Ban chứng khoán Nhà nước.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2022, Công ty không thực hiện đợt tăng vốn cổ phần nào.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2022, Công ty không tiến hành đợt mua/bán cổ phiếu quỹ nào.

e) Các chứng khoán khác:

Trong năm 2022, Công ty không có chứng khoán nào khác đang lưu hành.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp: Không
- Tổng phát thải khí nhà kính gián tiếp: Không
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm:

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất nước sạch và xây lắp vì thế nguyên vật liệu của Công ty là vật liệu lọc nước, khử trùng, vật tư ngành nước...

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức:

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty không có tác hại với môi trường và không tái chế được.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Công ty tiêu thụ trực tiếp năng lượng điện cho sản xuất nước, chiếu sáng và máy móc thiết bị. Đối với các Công trường thi công, công ty

tiêu thụ năng lượng điện cho mục đích chiếu sáng và hoạt động cho máy móc thiết bị trên công trường.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không

Trong năm 2022, Công ty đã tiêu thụ tổng cộng 3,6 triệu kw điện

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước do Công ty tự cung cấp

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2022 Công ty không bị vi phạm về tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- Người lao động được hưởng chính sách Đào tạo tại chỗ;

- Người lao động tự đào tạo;

- Thu nhập bình quân: 10,6 triệu đồng/người/tháng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương:

Trong năm, Công ty đã tích cực tham gia các chương trình xã hội như: Ủng hộ quỹ vì người nghèo; Quỹ phòng chống lụt bão; Bảo trợ trẻ em; vì công nhân lao động nghèo

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Về công tác sản xuất nước máy

- Sản lượng nước sản xuất năm 2022 là: 9.826.000 m³ (trong đó sản lượng nước sạch mua từ các công ty khác là 1.755.000 m³).

- Sản lượng nước tiêu thụ là 8.570.000 m³ trong đó KV Phúc Yên đạt 5.755.000 m³, KV Bình Xuyên đạt 2.815.000 m³.

- Tổng điện năng tiêu thụ cho sản xuất năm 2022: 3,6 triệu kwh (không tăng so với năm 2021).

- Điện năng tiêu thụ trên 1 m³ nước sạch là: 0,44 kwh/m³ (tăng 0,01kwh/m³ so với năm 2021).

- Để đảm bảo công tác sản xuất nước, trong năm 2022 đã tiến hành kéo bảo dưỡng 14 giếng nước thô kết hợp với khôi phục vận hành giếng G6 được khoan lại và bảo dưỡng máy bơm Trạm tăng áp đập tây phục vụ cấp nước từ nhà máy nước Bá Hiến cấp về Xuân Hòa.

- Đầu nổi bể 300m³ Trạm tăng áp Đại Lải phục vụ cấp nước cho khu du lịch Đại Lải - Thanh Xuân.

- Tiến hành nâng cấp hệ thống phần mềm SCADA, phần mềm rửa lọc tự động tại nhà máy nước 20.000 m³/ngày đêm.

1.2. Công tác thi công, lắp đặt và sửa chữa đường ống cấp nước:

* *Thực hiện cải tạo, lắp mới, di chuyển đường ống:*

- Cải tạo đường trục D<100: khoảng 5.000 m.

- Phát triển đường trục mới đạt: 48.784 m trong đó D <100 là: 43.227 m, 100 ≤ D <200 là: 3.325 m và 200 ≤ D <300 là: 2.232 m.

* *Khắc phục và sửa chữa đường ống, thay thế và kiểm định đồng hồ:*

- Thay đồng hồ sự cố: 89 cái

- Thay kiểm định: 76 cái

- Thay đồng hồ cơ quan: 28 cái

- Nâng chuyển đồng hồ: 1.528 cái

- Thông tắc đồng hồ: 896 cái

- Xử lý ống vỡ: 2.138 điểm

- Số lượng đồng hồ đã được kiểm định: 2.608 cái

1.3. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng

- Năm 2022, Ban điều hành đã phê duyệt tổ chức thi công 22 công trình với tổng mức đầu tư khoảng 75 tỷ đồng. Trong đó: có 04 công trình đơn vị thi công của Công ty thực hiện (Bên B) và 18 công trình Công ty là Chủ đầu tư (trong đó 13 công trình tự thực hiện và 05 công trình thuê nhà thầu ngoài thi công)

Công ty cũng đã tập trung nguồn vốn để đầu tư xây dựng các công trình cần thiết, quan trọng thuộc Mạng lưới cấp nước dịch vụ HTCN Phúc Yên và mạng lưới cấp nước dịch vụ HTCN Bình Xuyên. Kết quả:

- Xí nghiệp Dịch vụ Phúc Yên đã thi công lắp đặt và cải tạo các tuyến ống với tổng giá trị quyết toán, thanh toán KLHT là 4,6 tỷ đồng.

- Xí nghiệp Dịch vụ Bình Xuyên đã thi công cải tạo và lắp mới với tổng giá trị quyết toán, thanh toán KLHT khoảng 1,2 tỷ đồng.

- Xí nghiệp Thi công đường ống đã thi công và nghiệm thu bàn giao đưa vào vận hành cấp nước các tuyến ống với tổng giá trị quyết toán, thanh toán KLHT đạt gần 14 tỷ đồng.

Tính đến ngày 31/12/2022 các phòng ban đã phối hợp lập hồ sơ và tiến hành kiểm tra, thẩm định quyết toán 17 hồ sơ với giá trị đề nghị thanh quyết toán khối lượng xây lắp tự thực hiện khoảng 14 tỷ đồng, đề nghị thanh toán cho các nhà cung cấp vật tư, thiết bị với giá trị khoảng 7,3 tỷ đồng và đề nghị thanh toán cho các nhà thầu tư vấn, thi công các công trình với giá trị 7,8 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản (tại thời điểm 31/12/2022): Tổng tài sản 197.142,7 triệu đồng

Trong đó:

- + Tài sản ngắn hạn: 50.131,7 triệu đồng
- + Tài sản dài hạn: 147.011 triệu đồng
- Tổng nguồn vốn: 197.142,7 triệu đồng

Trong đó:

- + Nợ phải trả: 66.213,5 triệu đồng
- + Nguồn vốn chủ sở hữu: 130.929,2 triệu đồng

Đánh giá:

a) Về tài sản:

- Tài sản dài hạn: 147.011 triệu đồng (74,57% Tổng tài sản)

Trong đó:

- + TSCĐ và đầu tư xây dựng: 138.236,5 triệu đồng.
- + Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: 5.500 triệu đồng.
- Tài sản ngắn hạn: 50.131,7 triệu đồng (25,43% Tổng tài sản)

Trong đó:

- + Các khoản phải thu ngắn hạn: 7.651,7 triệu đồng
- + Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: 18.000 triệu đồng

b) Về nguồn vốn:

- Nguồn vốn chủ sở hữu: 130.929,2 triệu đồng (66,41% nguồn vốn)
- Nợ phải trả: 66.213,5 triệu đồng (33,59% nguồn vốn)

Công ty hoạt động chủ yếu bằng nguồn vốn chủ sở hữu 66,41% tổng nguồn vốn; nguồn vốn vay chỉ chiếm 33,59%. Do đó Công ty có khả năng về nguồn vốn và tài chính bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại cũng như trong tương lai.

c) Về công nợ:

- Các khoản phải thu ngắn hạn: 7.651,7 triệu đồng
- Các khoản phải trả: 66.213,5 triệu đồng

Trong đó:

+ Nợ ngắn hạn: 30.491,8 triệu đồng

+ Nợ dài hạn: 35.721,7 triệu đồng

Các khoản nợ phải thu bằng 15,26% tài sản ngắn hạn, nợ phải trả bằng 33,59% nguồn vốn. Công ty không có nợ quá hạn, các khoản nợ phải trả đều có khả năng thanh toán, các khoản nợ phải thu không phát sinh nợ khó đòi (có khả năng thu hồi).

2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Các khoản nợ phải trả hiện tại của Công ty đều có khả năng thanh toán và không có biến động lớn trong năm.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Các khoản nợ phải trả, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái và lãi vay không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Công ty không có thay đổi trong năm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT XIN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư
1	Cải tạo tuyến ống dọc hai bên đường quốc lộ 2	1,8 km	1.162
2	Tuyến ống đường 310B (đoạn còn lại)	6,1 km	25.620
3	Tuyến ống truyền dẫn xã Sơn Lôi		
4	Tuyến ống dịch vụ xã Sơn Lôi		
5	Di chuyển đường ống cấp nước phục vụ thi công dự án Đầu tư xây dựng công trình vượt suối Lâm Bò hạ lưu hồ Thanh Lan	0,3 km	1.050
6	Cải tạo đường ống cấp nước Đạ Hòa từ ngã 3 chợ Hương Canh đến cầu Tam Canh	1,2 km	950
7	Di chuyển đường ống gang D300 ĐT.310B phục vụ thi công tuyến đường song song đường sắt Hà Nội - Lào Cai	0,5 km	1.935

	TỔNG CỘNG		30.717
--	------------------	--	--------

5. Giải trình của Công ty đối với ý kiến kiểm toán:

Theo Báo cáo tài chính năm 2022, Ý kiến của kiểm toán viên không có ngoại trừ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

1.1. Về sản xuất kinh doanh: Năm 2022, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; sản lượng nước sản xuất tăng 7%, nước tiêu thụ tăng 6% do tỷ lệ thất thoát tăng với kế hoạch; Doanh thu tiêu thụ nước máy hoàn thành kế hoạch đặt ra, doanh nghiệp làm ăn có lãi do tiết kiệm được chi phí sản xuất, các chi tiêu thu nộp ngân sách, thu nhập của người lao động, số lượng đầu nối khách hàng đều tăng, quản lý vận hành an toàn hệ thống máy móc thiết bị, thực hiện quy trình cấp nước hợp lý, điều chỉnh áp lực cấp nước phù hợp từ đó đảm bảo cấp đủ nước ra mạng, giảm tiêu hao điện năng trong sản xuất, giảm chi phí điện năng trong các giờ cao điểm.

1.2. Về tình hình tài chính và quản lý, sử dụng vốn, tài sản: Công ty đã quản lý, sử dụng vốn, tài sản phục vụ hoạt động SXKD có hiệu quả, bảo đảm và phát triển vốn của cổ đông; cơ cấu vốn, tài sản hợp lý.

1.3. Về hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư:

- Về đầu tư góp vốn cổ phần, cổ phiếu tại các công ty liên kết là đúng hướng, tập trung chủ yếu cho việc phát triển kinh doanh có hiệu quả cả về kinh tế và phát triển thị trường.

- Quản lý tổ chức thực hiện các dự án đầu tư đúng với các quy định, chế độ về quản lý đầu tư, đấu thầu của Nhà nước.

1.4. Về trách nhiệm môi trường xã hội: Công ty đã đảm bảo và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm liên quan đối với môi trường xã hội

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc đã điều hành thực hiện Nghị quyết, Kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT, theo đúng chức năng và nhiệm vụ quyền hạn đồng thời có sự phối hợp, quan hệ tốt với HĐQT. Ban giám đốc đã chủ động, tích cực, xử lý kịp thời điều hành những vấn đề phát sinh trong quản lý. Tổ chức và thực hiện các giải pháp để hoàn thành kế hoạch và quản lý sử dụng vốn, tài sản Công ty phục vụ SXKD và đầu tư.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Kế hoạch SXKD và tài chính năm 2023

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2023

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Dự kiến KLHT đến 31/12/2022		Kế hoạch 2023	
				Vốn doanh nghiệp	Nguồn vốn huy động khác	Vốn doanh nghiệp	Nguồn vốn huy động khác
I	CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP TỪ NĂM 2022		58.218	9.002	0	36.054	0
1	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại - TT Đạo Đức	4,4 km	2.652	1.326		1.326	
2	Tuyến ống CN dịch vụ cho TDP Chùa, TDP Giữa và TDP Kếu - TT Đạo Đức	7,4 km	4.164	2.498		1.666	
3	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Giật và Thượng Đức - TT Đạo Đức năm 2022	4,1 km	2.153	1.507		646	
4	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Tây Trại, TDP Đông Đoài - TT Đạo Đức	6,3 km	3.251	1.626		1.626	
5	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho TDP Trại Trong, TDP Trại Giữa và TDP Trại Ngoài - TT Đạo Đức	8,4 km	4.183	1.673		2.510	
6	Dự án cải tạo, mở rộng nhà điều hành sản xuất	20.000 m ³ /ngày đêm	20.821	372		7.287	
7	Cải tạo cụm xử lý nhà máy nước Phúc Yên		20.994	0		20.994	
II	CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ MỚI 2023		123.421	0	0	0	123.421
1	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Chợ Nội, Xuôi	11,5 km	7.350				7.350

	Ngành và Nội Phạt - xã Tam Hợp						
2	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Ngoại Trạch 1, 2 - xã Tam Hợp	9,5 km	6.400				6.400
3	Tuyến ống cấp nước dịch vụ cho thôn Hữu Bằng, Hàm Rồng - xã Tam Hợp	7,8 km	6.000				6.000
4	Tuyến ống truyền dẫn xã Tam Hợp	2,7 km	3.978				3.978
5	Tuyến ống truyền dẫn thị trấn Đạo Đức	4,4 km	4.900				4.900
6	Công trình cải tạo sửa chữa các trạm bơm giếng nước thô Đại Phùng, Nam Viêm		2.771				2.771
7	Tuyến ống cấp nước KCN Nam Bình Xuyên (GD1)	1 km	4.529				4.529
8	Tuyến ống D400 dọc đường QL2 - Đoạn từ ngã 3 Tiền Châu đi Trạm tăng áp Hương Canh	5,3 km	65.493				65.493
9	Tuyến ống D315 đường 100	3,7 km	22.000				22.000
	TỔNG CỘNG I + II		181.639	9.002	0	36.054	123.421

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại công ty khác	Số cổ phần nắm giữ cá nhân (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Ông Ngô Trường Giang	Chủ tịch HĐQT	Không	15.000	0,137%
2	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	Không	0	0%
3	Ông Nguyễn Tiến	Thành viên HĐQT	Giám đốc	2.800	0,026%

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh quản lý đang nắm giữ tại công ty khác	Số cổ phần nắm giữ cá nhân (CP)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
	Son		CTCP cấp nước Đình Chu		
4	Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	TV HĐQT CTCP Cấp nước SETFIL Vĩnh Phúc	9.300	0,085%
5	Ông Vũ Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	Không	600	0,005%

- Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có
- HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ hàng quý. Những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty đều được Chủ tịch HĐQT và Giám đốc báo cáo HĐQT xem xét quyết định.
- Số lượng cuộc họp, nội dung kết quả cuộc họp được trình bày chi tiết tại Báo cáo quản trị công ty năm 2022.
- Các cuộc họp HĐQT đều được trao đổi, bàn bạc dân chủ, thẳng thắn và có Biên bản, Nghị quyết cuộc họp.
- Các thành viên HĐQT về cơ bản được thông tin đầy đủ, kịp thời các hoạt động của Công ty. Quan hệ giữa HĐQT và Ban Giám đốc là quan hệ hợp tác trên cơ sở thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty CP Nước sạch Vĩnh Phúc.
- HĐQT đã xây dựng Chương trình, Kế hoạch công tác, Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT và các thành viên trong Ban Giám đốc điều hành, xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT.
- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có
- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

2. Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Dương Cảnh Hưng	Trưởng BKS	Cử nhân KT	1.400	0,013%
2	Đỗ Đức Thịnh	Thành viên BKS	Cử nhân KT	2.000	0,018%

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
3	Đào Thị Hương	Thành viên BKS	Cử nhân KT	2.000	0,018%

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Xem xét tính phù hợp trong các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc; Định kỳ kiểm tra báo cáo tài chính quý, cả năm để đảm bảo phản ánh các báo cáo đó đầy đủ kịp thời;

- Kiểm tra công tác kế toán thống kê và báo cáo tài chính; công tác đầu tư; công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các hồ sơ tài liệu khác;

- Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Ban Giám đốc. Xem xét báo cáo kiểm toán tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán Vaco thực hiện năm 2022;

- Giám sát Ban Giám đốc trong việc thực thi những kiến nghị của kiểm toán.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát năm 2022:

3.1. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty
Không có.

3.2. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: không có

3.3. Thu nhập, Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2022:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (VND)
1	Ông Ngô Trường Giang	Chủ tịch HĐQT	704.464.264
2	Ông Bùi Tiến Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	376.529.365
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	431.545.439
4	Ông Nguyễn Tiến Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	339.093.746
5	Ông Vũ Mạnh Hà	Thành viên HĐQT	192.510.207
	Tổng cộng		2.044.143.021

Báo cáo về thu nhập của BKS năm 2022 được trình bày cụ thể tại Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập (VND)
1	Ông Dương Cảnh Hưng	Trưởng BKS	287.532.075
2	Ông Đỗ Đức Thịnh	Thành viên BKS	126.194.124
3	Bà Đào Thị Hương	Thành viên BKS	143.329.059
	Tổng cộng		557.055.258

4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty trong năm

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến của kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán Vaco:

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Mục tài sản cố định hữu hình và chi phí trả trước, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2022 Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ một số khoản chi phí và thời gian khấu hao một số nhóm tài sản cố định so với năm 2021.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, hai Dự án cấp nước được đầu tư bằng vốn ngân sách tỉnh Vĩnh Phúc đã tạm dừng triển khai từ các năm trước, chưa có quyết định từ cơ quan có thẩm quyền về xử lý các chi phí đã phát sinh.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này."

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco đã được Bộ Tài chính công bố danh sách, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đã được gửi đầy đủ cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. Xem toàn văn báo cáo tài chính tại địa chỉ: <http://nuocsachvinhphuc.com.vn/>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT

Ngô Trường Giang